

Chất lượng thông tin báo cáo tài chính - Tác động của các nhân tố bên ngoài: Phân tích nghiên cứu tình huống tại Việt Nam

• **Phạm Quốc Thuận, La Xuân Đào**

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM - Email: thuanpq@uel.edu.vn

(Bài nhận ngày 16 tháng 11 năm 2015, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 23 tháng 12 năm 2015)

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu chủ yếu là xác định các nhân tố tác động đến Chất lượng thông tin báo cáo tài chính, đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam. Các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính được phân làm hai nhóm nhân tố chính: bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, nghiên cứu này được giới hạn

trong phạm vi các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp. Phương pháp sử dụng chủ yếu là nghiên cứu tình huống. Kết quả phân tích cho thấy nhân tố Áp lực từ thuế có tác động lớn nhất, các nhân tố kế tiếp bao gồm: Niềm yết chứng khoán; Phần mềm Kế toán; Kiểm toán độc lập. Có 2 nhân tố tác động thấp nhất là nhân tố Yếu tố chính trị; Môi trường pháp lý.

Từ khóa: Thông tin, Chất lượng thông tin, chất lượng thông tin báo cáo tài chính.

1. GIỚI THIỆU

Trong thời đại được chi phối bởi thông tin (TT), chất lượng thông tin (CLTT) là mối bận tâm hàng đầu của phần lớn các tổ chức. Hơn bao giờ hết, nhiều tổ chức đặt trọng tâm của họ vào việc có được những thông tin có giá trị. Redman (1992) cho rằng sự không chính xác và toàn vẹn của TT có thể gây bất lợi đến lợi thế cạnh tranh của DN. Theo Hongjiang Xu (2009), TT cho dù mang đặc điểm là tài chính hay phi tài chính, là một nhân tố then chốt quyết định sự thành công của các tổ chức trong thời buổi toàn cầu hóa nền kinh tế hiện nay. TT được xem là một nguồn tài nguyên chiến lược của tổ chức (Gafarov, 2009).

TT kế toán được xem là thành phần chính yếu của TT quản lý, đảm nhận vai trò quản lý

nguồn lực TT tài chính cho các DN (Gelinas& ctg, 1999; James A. Hall, 2011); thu thập và ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh tại các DN; cung cấp các TT kinh tế, tài chính phục vụ cho nhu cầu của người sử dụng. Hiệu quả của TT kế toán là một nền tảng quan trọng giúp các nhà quản trị ra quyết định; TT CL là một trong những lợi thế cạnh tranh của một tổ chức. Tuy nhiên, người sử dụng TT luôn phải đối mặt với việc tiếp nhận những TT trên BCTC kém tin cậy từ những nguyên nhân khác nhau như sự khó khăn trong việc tiếp cận nguồn TT; sự đối mặt với các động cơ gian lận TT từ phía đối tượng cung cấp TT; từ những nguyên nhân phát sinh trực tiếp từ bản chất của nghiệp vụ và quá trình kinh doanh. CLTT kế toán vẫn còn khá nhiều hạn chế thể hiện ở việc tổ chức TT kế toán

chưa được thực hiện có tính hệ thống; nội dung lạc hậu, trùng lặp; các phương pháp kỹ thuật vận dụng rất đơn giản, chưa chú ý đến khai thác các phương tiện, kỹ thuật xử lý TT hiện đại; chưa tạo được sự kết nối, tính ổn định; báo cáo kế toán phục vụ quản lý chưa đầy đủ, nội dung còn đơn giản, mang tính rời rạc; chưa có sự thống nhất, phân tích sâu sắc về tình hình kinh doanh cho các công ty, vì vậy, TT do các báo cáo kế toán mang lại cho nhà quản lý còn hạn chế,... Bên cạnh đó, các vi phạm nghiêm trọng về tài chính xảy ra trong thời gian qua đã đặt một câu hỏi rất lớn về CLTT kế toán, cụ thể là CLTT trên báo cáo tài chính (BCTC) trong các tổ chức hiện nay. Xuất phát từ thực trạng trên, việc nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến CLTT trên BCTC là một trong những vấn đề được XH và các DN quan tâm hiện nay.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khám phá các nhân tố tác động đến CLTT BCTC trong các DN tại Việt Nam. Các thành phần đo lường CLTT BCTC và các nhân tố tác động đến nó rất đa dạng, trong khuôn khổ hạn hẹp của bài viết này, chúng tôi chỉ xem xét các nhân tố tác động từ phía bên ngoài DN. Kết quả nghiên cứu sẽ khẳng định rõ các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp tác động đến CLTT BCTC từ đó tạo cơ sở cho việc gợi ý một số chính sách, giải pháp nhằm gia tăng CLTT BCTC của các DN tại Việt Nam.

2. LƯỢC KHẢO CÁC NGHIÊN CỨU TRƯỚC

Hongjiang Xu & ctg (2003) đã tiến hành nghiên cứu tìm hiểu các nhân tố tác động đến CLTT BCTC trong các DN tại Australia. Nghiên cứu này được tiến hành thông qua nhiều bước. Đầu tiên nhóm tác giả đã tham khảo cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước đó thuộc lĩnh vực thông tin quản lý để rút ra các nhóm nhân tố tác động đến CLTT. Sau đó các nhóm nhân tố này được kiểm định lại bằng nghiên cứu định tính thông qua nghiên cứu tình huống đối với

các nhóm đối tượng bao gồm các đối tượng sản xuất thông tin kế toán; đối tượng quản lý hệ thống; đối tượng sử dụng thông tin. Kết quả phân tích từ nghiên cứu tình huống cho thấy các nhóm nhân tố về Con người (Đào tạo và huấn luyện; Vai trò của con người trong kiểm soát), Hệ thống (Tương tác giữa con người với hệ thống; Vai trò của hệ thống kiểm soát), Tổ chức (Cấp trúc, Văn hóa tổ chức) và Nhân tố bên ngoài (sự thay đổi công nghệ, chính sách,...) thực sự tác động đến CLTT BCTC. Céline Michalesco (2010) đã tiến hành tìm hiểu các nhân tố tác động đến CLTT BCTC của các DN Pháp trong khoản thời gian từ 1991 - 1995. Nghiên cứu của Céline Michalesco (2010) được tiến hành bằng khảo sát trên 100 DN tại Pháp có thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán liên tục trong 5 năm. Sau đó tác giả đã tiến hành phân tích dữ liệu qua hai giai đoạn: phân tích mô tả định lượng để kiểm tra các mối liên hệ của các nhân tố được đưa ra từ giả thuyết nghiên cứu và phân tích khẳng định các mối quan hệ giữa các nhân tố thông qua mô hình hồi quy trên. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình có R² giao động từ 10,82% đến 22,13% tùy theo các năm. Xét trên tổng thể thời gian nghiên cứu (1991 - 1995) chỉ có hai yếu tố tác động đến CLTT BCTC là yếu tố niêm yết trên thị trường chứng khoán trong nước và yếu tố niêm yết trên nhiều thị trường chứng khoán. Sự phân bố quyền sở hữu vốn tác động đến CLTT vào các năm 1993 - 1995; mức độ nợ chi tác động đến CLTT vào năm 1995.

Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trước, chúng tôi nhận thấy rằng các nhân tố tác động đến CLTT BCTC đa dạng và được phân làm hai nhóm nhân tố chính: bên trong DN (Đào tạo và bồi dưỡng; Vai trò của nhà quản trị cấp cao,...) và bên ngoài DN (Niêm Yết; vai trò của Kiểm toán độc lập,...). Tuy nhiên những nghiên cứu về chủ đề này còn khá rời rạc, chưa hình thành nên khung lý thuyết có tính thuyết phục. Đối với

nghiên cứu về chủ đề này tại Việt Nam, các tác giả trước đó chủ yếu mới thực hiện việc kiểm định các mô hình nghiên cứu đã có trước đó, chưa tiến hành thực hiện nghiên cứu khám phá nhằm tăng tính thuyết phục cho các nhân tố được đề cập trong mô hình. Vì vậy, chúng tôi xác định mục tiêu của nghiên cứu nhằm khám phá các nhân tố tác động đến CLTT BCTC mang tính đặc thù của các DN tại Việt Nam là cần thiết và sẽ góp phần hoàn thiện lý thuyết về CLTT BCTC cũng như tạo căn cứ quan trọng cho việc gia tăng CLTT BCTC trong các DN tại Việt Nam. Nguyễn Văn Thắng (2013) cho rằng đối với các nghiên cứu thuộc chủ đề mới hoặc khung cảnh mới khó có thể áp dụng các luận điểm và kết quả nghiên cứu trước thì việc vận dụng nghiên cứu định tính là phù hợp. Xuất phát từ cơ sở trên, chúng tôi xác định việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính là phù hợp với mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để tiến hành thu thập dữ liệu và xác định các nhân tố tác động đến CLTT BCTC, chúng tôi tiến hành thực hiện quy trình và phương pháp nghiên cứu như sau:

- Chọn mẫu thu thập dữ liệu phù hợp với nghiên cứu.
- Tiến hành thu thập dữ liệu: thông qua nhiều giai đoạn với những công việc cụ thể:
 - Thảo luận nhóm: được tiến hành với các đối tượng là các Giảng viên chuyên ngành Kế toán trường ĐH Kinh Tế - Luật với mong muốn nhận được ý kiến đóng góp về cách thức thiết kế Dàn bài thảo luận, phương pháp thảo luận,...
 - Thảo luận chính thức: chúng tôi tiến hành thu thập dữ liệu định tính thông qua thảo luận chính thức với các đối tượng là đại

diện của Vụ Chế Độ KT Việt Nam; các chuyên gia là các nhà đầu tư kiêm đảm trách công việc quản lý KT, trưởng KSNB, quản lý IT, Giám đốc tại các DN.

- Mã hóa và xác nhận dữ liệu: ý kiến của các chuyên gia được ghi chép và mã hóa thành các nhân tố cụ thể.

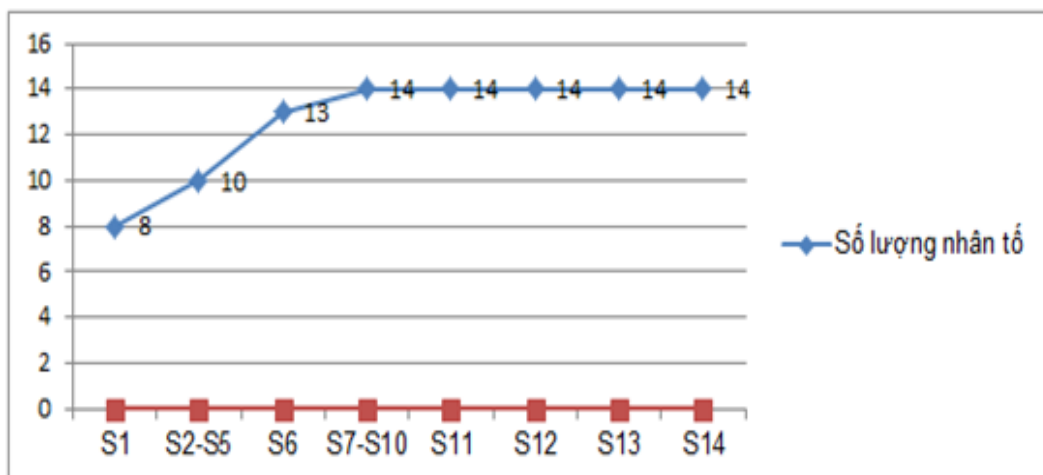
- Phân tích dữ liệu: dựa trên dữ liệu đã được các chuyên gia xác nhận, chúng tôi tiến hành phân tích sâu các dữ liệu của từng tình huống và so sánh dữ liệu của các tình huống với nhau để xác định sự tương đồng và khác biệt.

- Xây dựng lý thuyết và so sánh với lý thuyết đã có: dựa trên kết quả phân tích từ nghiên cứu tình huống, chúng tôi tiến hành xác định các nhân tố được khám phá và so sánh lý thuyết của nghiên cứu với các lý thuyết đã có trước đó, từ đó xác định khám phá mới của lý thuyết.

➤ Quy trình chọn mẫu

Trong nghiên cứu này chúng tôi chọn đối tượng tham gia thảo luận dựa trên tiêu chí về kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm công việc KT, kiểm toán được kỳ vọng giúp chúng tôi khám phá các nhân tố tác động đến CLTT BCTC trong các DN tại Việt Nam, cụ thể là các đối tượng hiện phụ trách công tác kế toán, giám đốc tài chính, phụ trách kiểm soát - kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp.

Số lượng mẫu được chúng tôi xác định theo quan điểm của Gummesson (2000, theo Nguyễn 2011), cụ thể số lượng mẫu được xác định ở mức thông tin thu thập được hầu như không có gì khác biệt so với các mẫu trước đó, sau đó tiếp tục chọn thêm một mẫu nhằm khẳng định điểm bảo hòa. Nếu không phát hiện thêm thông tin gì mới thì sẽ ngừng lại. Quy trình chọn mẫu được minh họa theo hình 1.



Hình 1. Quy trình chọn mẫu lý thuyết cho nghiên cứu tình huống

Đầu tiên chúng tôi chọn đối tượng nghiên cứu thứ nhất S1- giám đốc DN. Thông qua thảo luận, chúng tôi xác định được 8 nhân tố tác động đến CLTT BCTC. Sau đó, chúng tôi tiến hành thảo luận nhóm với 4 phần tử S2 - Phó phòng kế toán; S3, S4 - Trưởng KSNB; S5 - Trưởng phòng kiểm toán DN thuộc Big 4. Qua đó, chúng tôi bổ sung thêm 2 nhân tố (thứ 9,10). Tiếp theo, việc thảo luận tay đôi với phần tử S6 - Giám Đốc DN giúp bổ sung thêm 3 nhân tố mới (thứ 11, 12, 13). Chúng tôi lại thảo luận nhóm với 4 phần tử S7 - Trưởng IT; S8, S9 - kế toán trưởng; S10 - Phó phòng kiểm toán DN ngoài Big 4. Qua đó, chúng tôi bổ sung thêm 1 nhân tố (thứ 14). Tiếp tục thảo luận tay đôi với phần tử S11 - kế toán trưởng trường ĐH tại TPHCM và chúng tôi không phát hiện thêm được nhân tố mới. Vì vậy, S11 được xác định là điểm bão hòa. Để khẳng định điểm bão hòa, chúng tôi tiếp tục thảo luận tay đôi với các phần tử S12 - GV kiêm Giám đốc DN; S13 - GV kiêm kế toán trưởng; S14 - trưởng phòng DN, Vụ Chế độ kế toán. Kết quả cho thấy không phát hiện thêm được nhân tố mới.

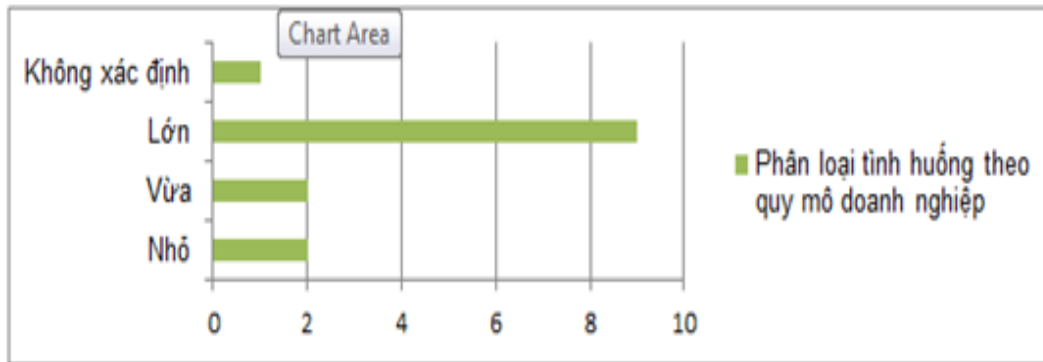
Thông qua thảo luận từ phần tử S1 đến S14, chúng tôi nhận thấy rằng các dữ liệu thu thập được đã đủ để chúng tôi xác định các nhân tố tác động đến CLTT BCTC. Tổng kết, thông qua thảo luận, chúng tôi thu được các kết quả sau:

- Kích thước mẫu cho nghiên cứu tình huống là $n=14$. Điểm bão hòa là S11. Số lượng mẫu thu thập thỏa mãn điều kiện về số lượng mẫu đề nghị từ các nhà nghiên cứu trước đó.
- Qua nghiên cứu tình huống, chúng tôi xác định 14 nhân tố tác động đến CLTT BCTC. Trong số 14 nhân tố này, có những nhân tố bên ngoài và có những nhân tố bên trong doanh nghiệp.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

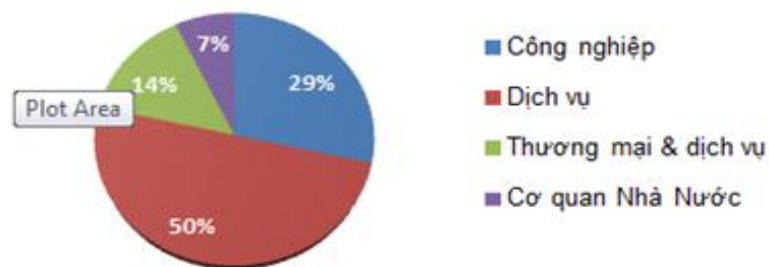
4.1. Mô tả thông tin nghiên cứu

CLTT trên BCTC đã chọn các phần tử của mẫu theo các tiêu chí sau: sự đa dạng về quy mô (vừa và nhỏ) và đa dạng về lĩnh vực kinh doanh. Phân loại tình huống theo quy mô DN được minh họa tại hình 2 và theo lĩnh vực hoạt động được trình bày theo hình 3.



Hình 2. Phân loại tình huống theo quy mô doanh nghiệp

Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu nghiên cứu



Hình 3. Phân loại tình huống theo khu vực kinh doanh

4.2. Xác định các nhân tố ảnh hưởng

Kết quả phân tích cho thấy trong 14 nhân tố khám phá từ nghiên cứu tình huống, có 6 nhân tố thuộc nhóm nhân tố bên ngoài được xem là tác động đến CLTT BCTC. Với lý do là mức độ phát hiện của các nhân tố từ các tình huống

nghiên cứu là không đồng nhất, chúng tôi tiến hành sắp xếp các nhân tố theo tỷ lệ tán thành của các chuyên gia. Bảng 1 Trình bày chi tiết các tình huống đã khẳng định các nhân tố tác động đến CLTT BCTC.

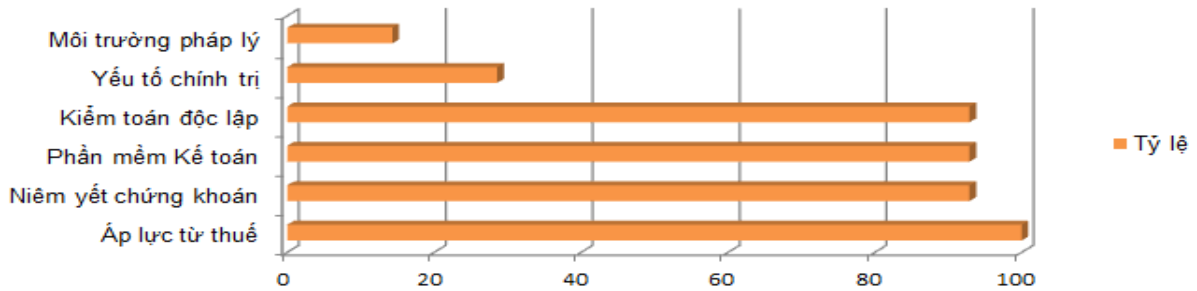
Bảng 1. Các tình huống đã khẳng định các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp tác động đến CLTT BCTC

TT	Nhân tố khám phá	S1	S2	S3	S4	S5	S6	S7	S8	S9	S10	S11	S12	S13	S14	TC
1	Áp lực từ thuế	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	14
2	Niên yết chứng khoán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		13
3	Phần mềm Kế toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		13
4	Kiểm toán độc lập	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		13
5	Yếu tố chính trị		1	1	1	1										4
6	Môi trường pháp lý						1						1			2
TC nhân tố (từng phần tử)		4	5	5	5	5	5	4	4	4	4	4	5	4	1	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ dữ liệu nghiên cứu

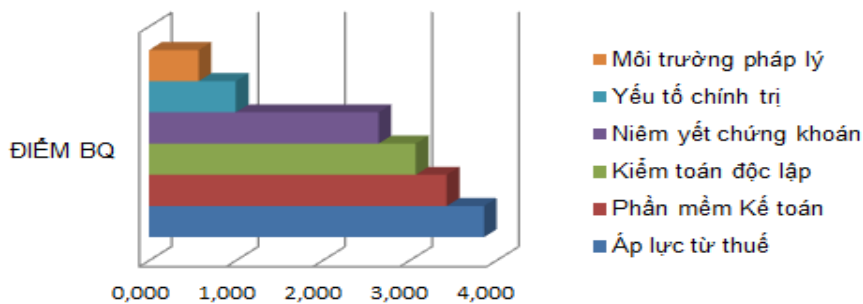
Để lựa chọn các nhân tố đưa vào mô hình nghiên cứu, chúng tôi tiến hành sắp xếp các nhân tố khám phá theo thứ tự giảm dần của tỷ lệ

tán thành (Hình 4) và theo thứ tự giảm dần của mức độ tác động (Hình 5).



Hình 4. Các nhân tố tác động đến CLTT BCTC theo tỷ lệ tán thành

Nguồn: Từ dữ liệu nghiên cứu



Hình 5. Các nhân tố tác động đến CLTT BCTC theo mức độ tác động

Nguồn: Từ dữ liệu nghiên cứu

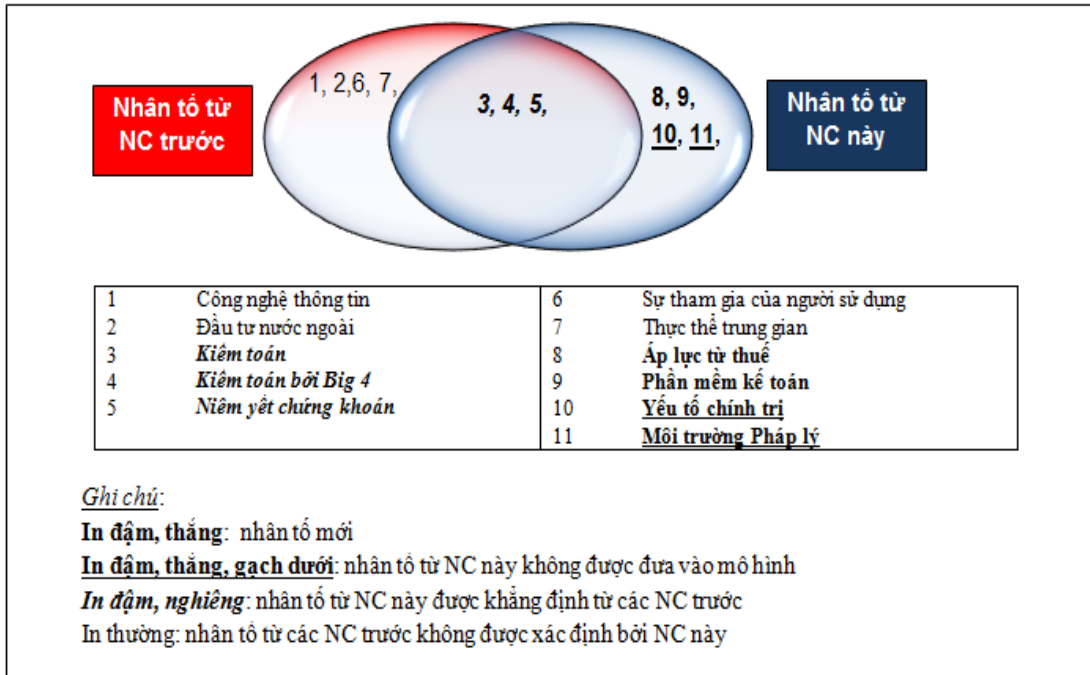
Kết quả phân tích trên cho thấy nhân tố Áp lực từ thuế nhận được 100% ý kiến tán thành của các chuyên gia từ phân tích tình huống. Các nhân tố kế tiếp có tỷ lệ tán thành cao (trên 90% từ phân tích tình huống) bao gồm: Niêm yết chứng khoán; Phần mềm Kế toán; Kiểm toán độc lập. Có 2 nhân tố có tỷ lệ tán thành rất thấp (dưới 30% từ phân tích tình huống) là nhân tố Yếu tố chính trị; Môi trường pháp lý.

Xét về mức độ tác động theo Sơ đồ 8, có 2 nhân tố tác động ở mức cao là nhân tố Áp lực từ thuế (3,86/5 điểm); Phần mềm Kế toán (3,43). Hai nhân tố Kiểm toán độc lập (3,43); Niêm yết chứng khoán (3,1) tác động ở mức độ trung bình. Hai nhân tố còn lại Yếu tố chính trị (1,00); Môi trường pháp lý có mức độ tác động rất thấp (0,57).

Để được lựa chọn vào mô hình nghiên cứu, các nhân tố khám phá phải được sự tán thành $\geq 50\%$ ý kiến của các chuyên gia và phải có mức độ tác động đến CLTT BCTC từ 2,5 điểm trở trên. Dựa vào tiêu chí đó, chúng tôi quyết định loại bỏ 2 nhân tố: Yếu tố chính trị; Môi trường pháp lý ra khỏi mô hình nghiên cứu.

4.3. So sánh với lý thuyết đã có

Từ kết quả phân tích nhân tố khám phá và lựa chọn nhân tố đưa vào mô hình nghiên cứu, bước tiếp theo chúng tôi tiến hành so sánh khám phá của nghiên cứu này với các lý thuyết đã có từ trước của các nghiên cứu trong lĩnh vực CLTT BCTC. Hình 6 trình bày chi tiết kết quả so sánh.



Hình 6. So sánh kết quả của nghiên cứu tình huống với các nghiên cứu trước đó

Nguồn: Tác giả tổng hợp, phân tích, so sánh

Các nhân tố mới được đưa vào mô hình nghiên cứu: nhân tố mới là những nhân tố chưa được đề cập và đưa vào mô hình nghiên cứu trước đó của các nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán. Áp lực từ thuế; PMKT là 2 nhân tố mới được khám phá từ nghiên cứu này và là các nhân tố phản ánh đặc trưng riêng biệt các nhân tố tác động đến CLTT BCTC trong các DN Việt Nam.

Các nhân tố từ lý thuyết trước tiếp tục được khẳng định: kết quả phân tích cho thấy có 3 nhân tố đã được khám phá từ các nghiên cứu trước đó tiếp tục được khẳng định bởi nghiên cứu này là nhân tố Kiểm toán, Kiểm toán bởi Big4 và Niêm yết chứng khoán. Các nhân tố này phản ánh sự giao thoa, tương đồng giữa kết quả nghiên cứu tại các DN Việt Nam với các nghiên cứu trước đó trong lĩnh vực CLTT BCTC.

Các nhân tố không được xác định bởi nghiên cứu này: theo kết quả phân tích, tổng cộng có 4

nhân tố được các tác giả nghiên cứu trước đó trong lĩnh vực CLTT BCTC xác nhận nhưng không được tán thành bởi ý kiến của các chuyên gia trong phân tích từ nghiên cứu của chúng. Lý do được lý giải là tác động của các nhân tố này chưa rõ ràng hoặc rất khó có căn cứ để đo lường hoặc một số nhân tố đã được đề cập trong các nhân tố khám phá của nghiên cứu như: nhân tố CNTT đã được đề cập trong nhân tố PMKT; phân bổ quyền sở hữu đã được đề cập trong nhân tố Niêm yết chứng khoán,...

5. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ, HẠN CHẾ VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TƯƠNG LAI

Kết quả phân tích ở Mục 4 đã giúp chúng tôi xác định 4 nhân tố bên ngoài DN ảnh hưởng đến CLTT BCTC, đó là: Áp lực từ thuế; Niêm yết chứng khoán; CL Phần mềm Kế toán; Kiểm toán độc lập. Dựa vào kết quả trên, chúng tôi kiến nghị các giải pháp gia tăng CLTT BCTC như sau:

Nâng cao CL kiểm toán: cần tăng cường kiểm soát từ bên ngoài đối với CL kiểm toán, nâng cao CL kiểm toán từ phía các công ty kiểm toán độc lập, cần phát huy vai trò của Hiệp hội nghề nghiệp trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng kiểm toán.

Đề cao vai trò giám sát CLTT BCTC từ phía Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước: Ủy ban chứng khoán Nhà nước cần thể hiện rõ hơn vai trò của mình đối với trách nhiệm kiểm soát CL kiểm toán. Cần phải tiếp tục củng cố, bổ sung các nguồn lực để đáp ứng tốt hơn công tác giám sát CLTT BCTC.

Cần thay đổi quan điểm làm việc của nhân viên quản lý thuế: Bộ Tài Chính cần có quy định rõ cán bộ thuế không được can thiệp vào công việc kế toán tại các DN và không có trách nhiệm hướng dẫn công tác kế toán cho các DN; tăng cường bồi dưỡng và nâng cao thường xuyên kiến thức và quy định về kế toán cho nhân viên thuế.

Nâng cao CLPMKT: Bộ tài Chính cần nghiên cứu và ban hành quy định cụ thể về việc kiểm tra việc tuân thủ các tiêu chí về CL PMKT tại các DN trên cơ sở tham khảo và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung khám phá các nhân tố bên ngoài tác động đến CLTT BCTC trong các DN Việt Nam. Với mục tiêu đã được đặt ra, chúng tôi đã sử dụng phương pháp luận nghiên cứu định tính với phương pháp nghiên cứu được lựa chọn là nghiên cứu tình huống. Bài viết chưa trình bày tác động của các nhân tố bên trong doanh nghiệp và chỉ dừng lại ở mức độ khám phá và chưa thực hiện phần nghiên cứu định lượng nhằm kiểm định đối với những khám phá có được từ nghiên cứu định tính. Vì vậy, trong tương lai, nghiên cứu sẽ được hoàn thiện hơn với phần nghiên cứu định lượng, giúp kiểm định các mối quan hệ giữa các nhân tố đã khám phá với CLTT BCTC.

Impact of external factors on quality financial reporting: The case of Vietnam

• **Pham Quoc Thuan, La Xuan Dao**

University of Economics and Law, VNU HCM - Email: thuanpq@uel.edu.vn

ABSTRACT

The objective of this study is to identify the major factors that impact on the quality of financial reporting and to suggest model of the factors affecting on the quality of financial reporting for Vietnamese enterprises . There are two factors group affecting on the quality of financial reporting: internal factors and external factors, this study is limited to the scope of the external factors. By using case

studies, analytical results indicate that Tax Pressure factor has the greatest impact on the quality of financial reporting, the remaining factors include: Listed Securities, Accounting Software and Independent Audit. Two factors, Politics and Regulatory Environment have limited impact on the quality financial reporting.

Keywords: Information, information quality, quality of financial reporting.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ballantine, J., Levy, M. & Powell, P., Evaluating Information Systems in Small and Medium-sized Enterprises: Issues and Evidence, *European Journal of Information Systems*, 7, 241-251 (1998).
- [2]. Crosby, Philip B., *Quality Is Still Free; Making Quality Certain in Uncertain Times*, McGraw-Hill, New York, USA (1995).
- [3]. Deming, w. Edwards, *Out of the Crisis*, Massachusetts Institute of Technology, Center for Advanced Engineering Study, Cambridge, Massachusetts, USA (1986).
- [4]. Foong, S.Y., Effect of End-User Personal and Systems Attributes on Computer-Based Information System Success in Malaysian SMEs, *Journal of Small Business Management*, 37, 3, 81-87 (1999).
- [5]. Gafarov T., *Information Filter-Factors Influencing on Accounting Information*.Siagian (2009).
- [6]. Gelinas, J.U., & ctg, *Accounting Information Systems*, South Western: Cengage Learning (2012).
- [7]. Gelinas, Sutton & Oram, *Accounting Information System*, South- Western (1999).
- [8]. Gelinas, U , A , Oram, & W, Wiggins, *Accounting Information systems*, PWS-Kent (1995).
- [9]. Hongjiang Xu, *Critical success factors for accounting information systems data quality*, PhD Thesis, University of Southern Queensland (2003b).
- [10]. Hongjiang Xu, Data quality Issues for accounting information systems' implementation: Systems, Stakeholders, and organization factors, *Journal of Technology Reseach*, Volume 1 - April, 2009.

- [11]. Hongjiangxu; Jeretta Horn Nord; Nord, G Daryl; Lin, Binshan, Key issues of accounting information quality management: Australian case studies, *Industrial Management + Data Systems*; 2003; 103, 7; ProQuest Central pg. 461 (2003).
- [12]. James A. Hall, *Accounting Information System*, South- Western (2011).
- [13]. Joseph P. H. Fan & T.J. Wong, Corporate ownership structure and the informativeness of accounting earnings in East Asia, *Journal of Accounting and Economics*, Vol 33, pp 401- 425 (2002).
- [14]. Juran, Joseph M., *Juran on Quality By Design: The New Steps for Planning Quality Into Goods and Services*, The Free Press, Macmillan, Inc., New York, New York, USA (1992).
- [15]. Kieso, D.E. & ctg, *Intermediate Accounting. Twelve Edition*, USA: John Wiley and Sons Inc (2007).
- [16]. Laudon Kenneth C. & Jane P. Laudon, Management Information System : Managing the Digital Firm, *International Journal of Computers, Communications & Control*, Vol. II (2007), No. 1, pp. 103-105 (2007).
- [17]. Nguyễn Thị Cành, Trần Việt Hoàng, *Thị trường chứng khoán, cấu trúc và cơ chế hoạt động*, NXB ĐH Quốc Gia TPHCM (2014).
- [18]. Nguyễn Thị Phương Thảo, Xây dựng hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Tài chính* số 4 (2014).
- [19]. Nguyễn Văn Thắng, *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân (2013).
- [20]. Nguyễn Đình Thọ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Lao động - Xã hội (2011).
- [21]. Olson, M.H. & Lucas, H.C., The impact of office automation on the organization: some implications for research and practice, *Communications of The ACM*, 25(11), pp. 838-847 (1982).
- [22]. Phạm Quốc Thuận, Xác định mô hình đo lường chất lượng thông tin kế toán tài chính, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Kế toán tài chính, những thay đổi và phát triển trong tiến trình hội nhập*, TPHCM, Việt Nam, tháng 12/2014, Trường ĐH Kinh Tế TPHCM (2014).
- [23]. Redman T.C, *Data quality - Management and technology*, Newyork: Batam books (1992).
- [24]. Thong J. Y. L., Resource Constraints and Information Systems Implementation in Singaporean Small Business, *Omega*, Vol 29, pp143-156 (2001).
- [25]. Wang, R.Y. & D.M. Strong, Beyond Accuracy, What Data Quality Means to Data Consumers, *Journal of Management Information Systems* 12(4):5-34 (1996).